TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày: 09/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng A - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HS, ngày 29 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Quốc T, sinh năm 2001.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Sán chỉ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trần Văn N – Sinh năm 1973 (đã chết) và bà Phạm Thị B– Sinh năm 1969.

Gia đình bị cáo có 02 (hai) anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Ngày 13/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2023. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Trần Thị C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên toà)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 09/02/2023, Trần Quốc T đến ngủ qua đêm tại nhà bác họ là bà Trần Thị C, trú tại xóm Đ, xã T, huyện P để sáng hôm sau giúp bà C đào đất trước nhà. Đến khoảng 23 giờ ngày cùng ngày, nhân lúc mọi người trong nhà đã đi ngủ, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi đến khu vực lắp camera an ninh, dùng tay phải rút dây nguồn điện, tay trái cầm đèn pin rồi đi đến khu vực để đồ tìm nơi cất giấu tiền Tg thường xuyên sang chơi nên biết chỗ bà C1 cất tiền). Vào phòng, T tiến đến tủ nhựa màu xanh dùng để đựng quần áo, mở các ngăn kéo tủ để kiểm tra thì thấy tại ngăn tủ thứ hai có 01 chiếc ví da màu xanh, loại ví có dây đeo được đặt phía trên quần áo. Mở ví kiểm tra thì phát hiện có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, ngoài ra còn có một số tờ tiền mệnh giá 10.000đ và 20.000đ, T không nhớ số lượng cụ thể rồi lấy hết số tiền có trong ví cho vào túi quần bên trái đang mặc và cất ví vào vị trí cũ. Sau đó tiếp tục kiểm tra các ngăn tủ còn lại thì không phát hiện gì thêm. Lấy tiền xong, T đến khu vực lắp hệ thống camera an ninh cắm lại dây nguồn rồi đi bộ ra ngoài đường xuống gần vực ngã tư T, lấy số tiền đã trộm được của bà C ra đếm, tổng cộng được là 4.400.000đ (bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng). Lúc này, T thuê 01 xe taxi (không rõ hãng, biển kiểm soát) đến nhà nghỉ N1 thuộc thị trấn Đ, huyện P để xông hơi, matxa và thuê phòng ngủ, nghỉ. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 10/02/2023, T trả tiền phòng rồi ra đường thuê xe taxi đi xuống thành phố T, ăn uống, đi chơi tiêu hết số tiền đã trộm của bà C.

Đến khoảng 05 giờ ngày 10/02/2023, bà C dậy phát hiện T không có ở nhà, kiểm tra lại tủ quần áo thì phát hiện mất số tiền hơn 4 triệu đồng để trong ví. Kiểm tra lại camera an ninh thấy T có biểu hiện nghi vấn nên đã gọi điện cho T, xác định T đã lấy số tiền trên, không có ý định trả lại nên bà C trình báo sự việc đến Công an xã T.

Ngày 15/3/2023, bà Phạm Thị B (là mẹ đẻ của Trần Quốc T) đã bồi thường cho bà C số tiền 4.400.000 đồng. Bà C nhận đủ số tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vật chứng của vụ án:

- 01 ví da màu xanh đậm, kích thước 10x20cm, loại ví có dây đeo, ví có 04 ngăn đã qua sử dụng, được niêm phong vào phong bì chuyên dùng ký hiệu A1. (Hiện nay đang được bảo quản tại kho vật chứng theo quy định.)

- 01 đĩa DVD (theo biên bản làm việc ngày 11/02/2023) được niêm phong

ký hiệu A2. (Được chuyển theo hồ sơ vụ án).

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKSPL ngày 28 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo và bị hại là họ hàng, khoảng 22 giờ ngày 09/02/2023 bị cáo đến ở nhà bị hại để sáng hôm sau làm việc, do không có tiền tiêu sài. Đến khoảng 23 giờ ngày cùng ngày, nhân lúc mọi chủ nhà đã ngủ, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dùng tay phải rút dây nguồn điện, tay trái cầm đèn pin rồi đi đến tủ nhựa màu xanh dùng để đựng quần áo, mở các ngăn kéo tủ để kiểm tra thì thấy tại ngăn tủ thứ hai có 01 chiếc ví da màu xanh và lấy được số tiền 4.400.000đ, sau đó gọi taxi đi ra khỏi nhà bà Trần Thị C và đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo đã gửi tiền cho mẹ đẻ là bà Phạm Thị B mang số tiền 4.400.000đ trả lại cho bà Trần Thị C.

Cũng tại phiên toà bà Trần Thị C khai nhận: Đêm ngày 09/02/2023, bà bị Trần Quốc T lấy trộm 4.400.000đ. Sau khi vụ việc bị phát hiện Trần Quốc T đã gửi mẹ đẻ là bà Phạm Thị B trả lại cho bà số tiền 4.400.000đ, nay bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cú khoản tiền gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vị Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bà Trần Thị C 01 ví da màu xanh đậm, kích thước 10x20cm, loại ví có dây đeo, ví có 04 ngăn đã qua sử dụng, được niêm phong vào phong bì chuyên dùng ký hiệu A1.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 4.400.000đ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì. Đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án tuyên quyền kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trước khi tuyên án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 09/02/2023, Trần Quốc T đến ngủ qua đêm tại nhà bác họ là bà Trần Thị C, trú tại xóm Đ, xã T, huyện P. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi đến khu vực lắp camera an ninh, dùng tay phải rút dây nguồn điện, tay trái cầm đèn pin rồi đi đến tủ nhựa màu xanh dùng để đựng quần áo, mở các ngăn kéo tủ để kiểm tra thì thấy tại ngăn tủ thứ hai có 01 chiếc ví da màu xanh, loại ví có dây đeo được đặt phía trên quần áo. Mở ví kiểm tra thì phát hiện có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000^{đ}, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000^{đ}, ngoài ra còn có một số tờ tiền mệnh giá 10.000^{đ} và 20.000^{đ}, tổng cộng được là 4.400.000^{đ} (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Lúc này, T thuê 01 xe taxi (không rõ hãng, biển kiểm soát) đến nhà nghỉ N1 thuộc thị trấn Đ, huyện P để xông hơi, matxa và thuê phòng ngủ, nghỉ. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 10/02/2023, T trả tiền phòng rồi ra đường thuê xe taxi đi xuống T hết số tiền đã trộm của bà C.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi đã thực hiện như lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKSPL ngày 28 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã truy

tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên để xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong, đã được xoá án tích, nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Xét tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo lại là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội "trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cần ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.400.000^{đ}.

[7] Về vật chứng: 01 ví da màu xanh đậm, kích thước 10x20cm, loại ví có dây đeo, ví có 04 ngăn đã qua sử dụng, là tài sản của người bị hại. Do vậy, cần trả lại cho người bị hại quản lý và sử dụng là phù hợp và đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác là phù hợp, đúng pháp luật và cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1.Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/4/2023.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09 tháng 6 năm 2023) để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Trần Thị C số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Trần Thị C 01 ví da màu xanh đậm, kích thước 10x20cm, loại ví có dây đeo, ví có 04 ngăn đã qua sử dụng, được niêm phong vào phong bì chuyên dùng ký hiệu A1

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P với Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương ngày 02 tháng 6 năm 2023).

4. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- Cơ quan THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Giang